TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 02-5-2018
V/v tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Bà Nguyễn Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLST-KDTM, ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP SGHN (Viết tắt là HB), tên gọi trước khi sáp nhập là Ngân hàng TMCP NHN; theo Quyết định số 1559/QĐ-NHNN, ngày 07 tháng 8 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng TMCP NHN vào Ngân hàng TMCP SGHN; trụ sở: Số 7, THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật; chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Ông Lê Quý D, sinh năm 1997; địa chỉ: 6/12/5 ND, HM, thành phố Hà Nội; chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 196/QĐ–TGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2014); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty CPTB Nâng NT; trụ sở: Thôn N, xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Đức H là người đại diện theo pháp luật; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV đóng tàu TN (tên gọi trước đây: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT TN); trụ sở: Thôn N, xã TH, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật; chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

Ông Phạm Quang T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 528 đường TTV, quận AK, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Phó Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 851/UQ-TGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng (sau đây viết tắt là HB) cho Công ty CPTB nâng NT (say đây gọi tắt là NCO) vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau: [1] Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0810THNC004/HĐTD ngày 07 tháng 10 năm 2008 số tiền là 2,676,135 USD; [2] Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0809THNC005/HĐTD-NH/2008 ngày 26 tháng 9 năm 2008 số tiền là 25.270.000.000 đồng; [3] Hợp đồng tín dụng hạn mức 0901THNC001/HĐTD-HM/2009, ngày 21 tháng 01 năm 2009 số tiền là 20.000.000.000 đồng; bảo đảm cho các hợp đồng vay nêu trên tương ứng lần lượt là các hợp đồng bảo lãnh, với bên bảo lãnh là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT TN nay là Công ty TNHH MTV đóng tàu TN (sau đây gọi tắt là NACO), như sau: [1] Hợp bảo lãnh số 0710/2008/HB-NACO-NCO ngày 07 tháng 10 năm 2008; [2] Hợp đồng bảo lãnh số 0809/2008/HB-NCO-NACO ngày 26 tháng 9 năm 2008 và [3] Hợp đồng bảo lãnh số 2101/2009/HB-NCO-NACO ngày 21 tháng 01 năm 2009. Sau khi ký kết hợp đồng, số tiền vay đã được chuyển cho bên vay theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện các hợp đồng, bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn theo quy định. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 11 tháng 7 năm 2017, tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2017 bị đơn nợ nguyên đơn số tiền: Nợ gốc 106.045.025.850 đồng, nợ lãi trong hạn là 71.729.379.348 đồng, nợ lãi quá hạn là 113.465.656.809 đồng,

tổng là 291.240.062.007 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 01 năm 2018, nguyên đơn rút yêu cầu về toàn bộ số tiền nợ lãi, phí phát sinh và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn. Ngoài các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Nguyên đơn không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh và bị đơn đã nhận được tiền vay đầy đủ như nguyên đơn trình bày là đúng. Bị đơn sẽ tìm các nguồn lực và thu xếp trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu và đồng ý với đề nghị của nguyên đơn về việc rút toàn bộ số tiền nợ lãi, phí đối với bị đơn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, khi hết hạn vay HB có thường xuyên đôn đốc, thông báo cho bị đơn về việc trả nợ tiền vay từ năm 2009 đến nay. Cả ba bên cũng đã có buổi làm việc với nhau về việc vay nợ nhưng tài liệu bị thất lạc nên bị đơn không cung cấp cho Tòa án được. Dù hoạt động kinh doanh khó khăn nhưng bị đơn không nộp đơn phá sản doanh nghiệp. Bị đơn không còn tài liệu chứng cứ nào khác. Bị đơn không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thừa nhận có ký 03 hợp đồng bảo lãnh cho bị đơn để bị đơn vay HB như nguyên đơn đã trình bày. Việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với toàn bộ tiền nợ lãi, phí đối với bị đơn, NACO đồng ý và không có ý kiến gì. NACO không có tài liệu chứng cứ về việc NCO đã nhận tiền vay của HB và chi tiêu tiền vay theo đúng thỏa thuận vay. NACO chưa nhận được thông báo của HB về việc trả nợ thay cho NCO. Và hiện nay NACO không còn khả năng trả nợ thay cho NCO. NACO không còn tài liệu chứng cứ nào khác về vụ việc này. NACO không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng về việc vắng mặt tại các phiên tòa trước không có lý do. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: Các Điều 30, 35, 39, 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 95, 290, 305, 315, 361, 363, 471, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 89, 275, 280, 335, 336, 342, 370, 357, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc NCO trả toàn bộ số tiền nợ gốc của các hợp đồng tín

dụng cho HB. Trường hợp NCO không trả được thì NACO có nghĩa vụ trả nợ thay theo các hợp đồng bảo lãnh đã được các bên ký kết; đình chỉ đối với yêu cầu rút toàn bộ khoản tiền lãi, phí phát sinh của nguyên đơn; Bị đơn phải nộp án phí theo quy định, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ như sau: Hồ sơ pháp nhân, biên lai thu tạm ứng án phí, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, các bảng kê tính lãi, các tài liệu liên quan đến việc cho vay, bản tự khai. Bị đơn giao nộp hồ sơ pháp nhân, bản tự khai. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp hồ sơ pháp nhân, bản tự khai.

Tình tiết mà các bên thống nhất: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, số tiền bị đơn vay của nguyên đơn. Tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, nếu không trả được nợ thì đề nghị người bảo lãnh trả nợ cho nguyên đơn. Bị đơn có ý kiến chấp nhận trả nợ nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, bị đơn không có nguồn trả nợ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến không rõ bị đơn đã nhận được tiền vay chưa và việc dùng tiền vay như thế nào, ngoài ra, NACO đang cơ cấu lại tổ chức nên không chấp nhận trả nợ thay cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự mà cụ thể ở đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh. Bị đơn có trụ sở tại xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này do vậy áp Bộ luật luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Về thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, Khoản 3 Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015 áp dụng thời hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Tại phiên tòa các đương sự đều không đề nghị áp dụng thời hiệu nên không áp dụng quy định về thời hiệu.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Việc HB cho NCO vay tiền theo các hợp đồng tín dụng số 0810THNC004/HĐTD ngày 07 tháng 10 năm 2008 số tiền là 2,676,135 USD (tính theo tỉ giá ngày xét xử sơ thẩm là 22,709 đồng/01 USD thì

tương đương 60.775.025.850 đồng); hợp đồng tín dụng số 0809THNC005/HĐTD-NH/2008 ngày 26 tháng 9 năm 2008 số tiền là 25.270.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng hạn mức 0901THNC001/HĐTD-HM/2009, ngày 21 tháng 01 năm 2009 số tiền là 20.000.000.000 đồng là có thật, các bên đều thừa nhận và không phản đối phù hợp với Điều 385, 398, 463, 116, 117 Bộ luật Dân sự. NCO thừa nhận đã nhận được tiền vay, cùng với các tài liệu chứng cứ khác là giấy nhận nợ vay, hợp đồng ủy thác nhập khẩu số 01/HĐUT/NACO-NCO ngày 02 tháng 01 năm 2008, hợp đồng kinh tế số 31/HĐKT/2007 ngày 5 tháng 6 năm 2007, Hội đồng xét xử xác định NCO đã nhận tiền do HB cho vay. Vì vậy người đại diện của NACO trình bày không có tài liệu chứng cứ về việc NCO đã nhận tiền vay của HB và chi tiêu tiền vay theo đúng thỏa thuận vay là không có cơ sở. Trong quá trình vay NCO chưa trả được khoản tiền gốc vay nào, nay HB khởi kiện, NCO có trách nhiệm trả nợ là phù hợp với Điều 275 Bộ luật dân sự, Điều 51, Điều 52 Luật các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004.

[3] Xét hợp đồng bảo lãnh: Hợp bảo lãnh số 0710/2008/HB-NACO-NCO ngày 07 tháng 10 năm 2008, Hợp đồng bảo lãnh số 0809/2008/HB-NACO-NCO ngày 26 tháng 9 năm 2008 và Hợp đồng bảo lãnh số 2101/2009/HB-NACO-NCO ngày 21 tháng 01 năm 2009 đều được các bên tự nguyện tham gia, ký kết đúng thẩm quyền. Về việc thông báo trả nợ thay, mặc dù các tài liệu chứng cứ không xác định nguyên đơn đã thông báo về việc trả nợ thay cho bên bảo lãnh, tuy nhiên việc không thông báo không làm vô hiệu hợp đồng bảo lãnh, do vậy bên bảo lãnh là NACO vẫn phải có trách nhiệm trả nợ thay cho NCO nếu NCO không trả được nợ là phù hợp Điều 89, Điều 292, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[4] Việc HB rút yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi, phí, phạt là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho HB. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 132, Điều 275, Điều 292, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 51, 52 Luật các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGHN, tên gọi trước khi sáp nhập là Ngân hàng TMCP NHN. Buộc Công ty CPTB Nâng TN phải trả cho Ngân hàng TMCP NHN số tiền 45.270.000.000 đồng và 2,676,135 USD.

Kể ngày 03 tháng 5 năm 2018 Công ty CPTB nâng TN vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Công ty TNHH MTV đóng tàu NT (tên gọi trước đây: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty CNTT TN) có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty CPTB nâng TN khi Công ty CPTB nâng TN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi, phí, phạt của Ngân hàng TMCP SGHN.

3. Về án phí: Công ty CPTB nâng TN phải chịu 214,045,026 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP SGHN số tiền tạm ứng án phí 199.600.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005931, ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thuỷ nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn